

Số: /TB-UBND

Gia Lâm, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách xã quý III năm 2025**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Gia Lâm thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2025 như sau:

1. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2025

1.1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2025

- Cân đối ngân sách xã (Biểu số 113/CK-NSNN).
- Ước thực hiện thu NSNN xã (Biểu số 114/CK-NSNN).
- Ước thực hiện chi ngân sách xã (Biểu số 115/CK-NSNN).

1.2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2025.

2. Hình thức công khai: Công khai trên Trang thông tin điện tử xã, niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã.

3. Thời gian công khai: Kể từ ngày 15/10/2025.

UBND xã Gia Lâm thông báo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý III năm 2025./.

Nơi nhận:

- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc xã;
- Trang thông tin điện tử xã Gia Lâm;
- Lưu: VT (03).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Dương Viết Cường

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Gia Lâm quý III năm 2025

I. Thu ngân sách xã: 400.295 triệu đồng, gồm:

- Các khoản thu ngân sách xã hưởng 100%: 82.676 triệu đồng, bằng 116,9% dự toán giao.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 3.481 triệu đồng, bằng 100% dự toán giao.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên (Thu bổ sung có mục tiêu): 314.138 triệu đồng, bằng 99,2% dự toán giao.

(Chi tiết biểu số 113/CK TC-NSNN, 114/CK TC-NSNN kèm theo)

III. Chi ngân sách xã: 240.888 triệu đồng, bằng 62,0% dự toán giao.

1. Chi đầu tư XD CB: 52 triệu đồng, bằng 0,5% dự toán giao.

2. Chi thường xuyên: 240.836 triệu đồng, bằng 64,0% dự toán giao, trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 5.111 triệu đồng, bằng 48,3% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp môi trường: 121 triệu đồng, bằng 26,9% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 110.078 triệu đồng, bằng 62,0% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp y tế và dân số kế hoạch hoá gia đình: 2.544 triệu đồng, bằng 22,4% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 6.524 triệu đồng, bằng 85,5% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 940 triệu đồng, bằng 97,8% dự toán giao.
- Chi sự nghiệp TDTT: 1.124 triệu đồng, bằng 22,7% dự toán giao.
- Chi đảm bảo xã hội: 16.412 triệu đồng, bằng 54,1% dự toán giao.
- Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể: 88.450 triệu đồng, bằng 76,7% dự toán giao.
- Chi khác: 637 triệu đồng, bằng 16,2% dự toán giao.

(Chi tiết biểu số 115/CK TC-NSNN kèm theo)

IV. Đánh giá chung

1. Về thu ngân sách: Quý III năm 2025, các khoản thu ngân sách xã hưởng 100% hoàn thành dự toán giao, đạt 116,9%. Một số chỉ tiêu thu đạt cao: Lệ phí trước bạ nhà đất 131,7% dự toán giao; thu khác 112,9% dự toán giao. Một số khoản thu đạt thấp như: Thu quỹ đất công ích và HLCS 46,3%; Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 58,9% *(do đang triển khai rà soát các hợp đồng đất công và hướng dẫn người nộp thuế nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp qua ứng dụng eTax Mobile)*.

2. Về chi ngân sách: Chi NSNN quý III năm 2025 ước thực hiện đạt 62,0% dự toán, trong đó cơ bản đảm bảo hoạt động của các phòng, ban ngành và các đơn vị theo dự toán, nhất là lĩnh vực giáo dục - đào tạo, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể, thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ an sinh xã hội.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện Quý III năm 2025	So sánh (%)
I	TỔNG SỐ THU	390 864	400 295	102,4
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	70 745	82 676	116,9
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ			
3	Thu bổ sung	316 638	314 138	99,2
	- Thu bổ sung cân đối			
	- Thu bổ sung có mục tiêu	316 638	314 138	99,2
4	Thu chuyển nguồn	3 481	3 481	
5	Thu kết dư ngân sách			
II	TỔNG SỐ CHI	388 443	240 888	62,0
1	Chi đầu tư phát triển	10 639	52	0,5
2	Chi thường xuyên	376 274	240 836	64,0
3	Dự phòng ngân sách	1 530		-

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	390 864	390 864	400 295	400 295	102,4	102,4
I	Các khoản thu 100%	70 745	70 745	82 676	82 676	116,9	116,9
1	Lệ phí trước bạ nhà đất	55 703	55 703	73 356	73 356	131,7	131,7
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9 058	9 058	5 335	5 335	58,9	58,9
3	Thu phí, lệ phí	1 093	1 093	890	890	81,4	81,4
4	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	3 645	3 645	1 688	1 688	46,3	46,3
	Trong đó: Thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất	1 117	1 117				
5	Các khoản thu khác ngân sách	1 246	1 246	1 407	1 407	112,9	112,9
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	3 481	3 481	3 481	3 481	100,0	100,0
V	Thu kết dư ngân sách						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố	316 638	316 638	314 138	314 138	99,2	99,2
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách						
-	Thu bổ sung có mục tiêu	316.638	316 638	314 138	314 138	99,2	99,2

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III NĂM 2025			SO SÁNH (%)		
		Tổng số	Chi XDCB	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi XDCB	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi XDCB	Chi thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	10=6/3
	TỔNG CHI	388 443	10 639	376 274	240 888	52	240 836	62,0	0,5	64,0
1	Chi sự nghiệp kinh tế	11 707	1 117	10 590	5 111		5 111	43,7		48,3
2	Chi sự nghiệp môi trường	449		449	121		121	26,9		26,9
3	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số									
4	Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và dạy nghề	177 588		177 588	110 078		110 078	62,0		62,0
	Tr.đó: Sự nghiệp Giáo dục	157 350		157 350	110 078		110 078	70,0		70,0
5	Chi sự nghiệp Y tế và dân số KHHGĐ	11 380		11 380	2 544		2 544	22,4		22,4
6	Chi sự nghiệp VHTT	7 633		7 633	6 524		6 524	85,5		85,5
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	961		961	940		940	97,8		97,8
8	Chi sự nghiệp TDTT	4 949		4 949	1 124		1 124	22,7		22,7
9	Chi đảm bảo xã hội	30 318		30 318	16 412		16 412	54,1		54,1
10	Chi quản lý hành chính, đảng đoàn thể	115 410	79	115 331	88 502	52	88 450	76,7	65,8	76,7
11	Chi khác ngân sách	13 380	9 443	3 937	637		637	4,8		16,2
12	Dự phòng ngân sách	1 530								